

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN- ĐÔNG ANH

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 2 MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 12
NĂM HỌC 2022 - 2023**

I. PHẦN LÝ THUYẾT

1. Địa lí các vùng kinh tế

- Vấn đề phát triển vùng Trung du miền núi Bắc Bộ
- Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng
- Vấn đề phát triển vùng Bắc Trung Bộ
- Vấn đề phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ
- Vấn đề phát triển vùng Tây Nguyên
- Vấn đề phát triển lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ
- Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long
- Các vùng kinh tế trọng điểm
- Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo

2. Kỹ năng

- Sử dụng Atlas địa lí Việt Nam
- Khai thác bảng số liệu và biểu đồ

II. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Điện Biên. B. Yên Bái. C. Sơn La. D. Tuyên Quang.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII?

- A. Hà Nội. B. Thanh Hóa. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

Câu 3. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Dầu Tiếng thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Mê Công. C. Sông Ba. D. Sông Cả.

Câu 4. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Cánh cung sông Gâm. B. Cánh cung Đông Triều.
C. Dãy Con Voi. D. Dãy Pu Sam Sao.

Câu 5. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Bình?

- A. Đồng Hới. B. Vinh. C. Đông Hà. D. Tam Kỳ.

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 7. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Thanh Hóa *không* có ngành nào sau đây?

- A. Cơ khí. B. Chế biến nông sản.
C. Sản xuất giấy, xenlulô. D. Sản xuất ô tô.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường biên quan trọng nhất dài 1500 km nối Hải Phòng với nơi nào sau đây?

- A. Cửa Lò. B. Đà Nẵng. C. Quy Nhơn. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào say đây có giá trị sản xuất lớn nhất Đồng bằng sông Hồng?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Hưng Yên. D. Nam Định.

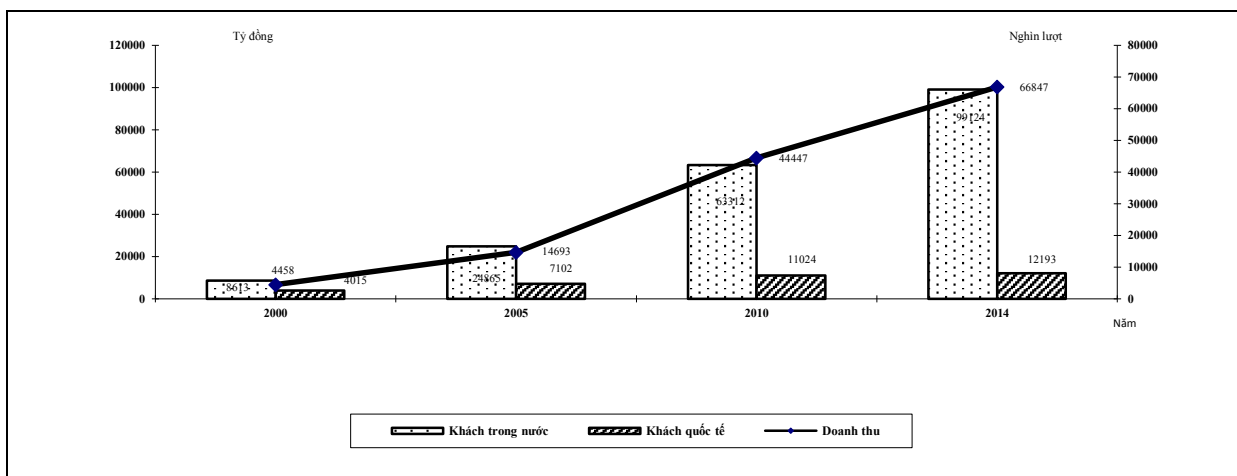
Câu 10. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Yaly. B. Đrây Hling. C. Xê Xan. D. Vĩnh Sơn.

Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất ô tô?

- A. Thành phố Hồ Chí Minh. B. Vũng Tàu.
C. Biên Hòa. D. Thủ Dầu Một.

Câu 16. Cho biểu đồ



Biểu đồ thể hiện tình hình phát triển ngành du lịch nước ta giai đoạn 2000 - 2014.

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển du lịch của nước ta giai đoạn 2000-2014?

- A. Khách trong nước tăng nhanh hơn khách quốc tế.
B. Khách trong nước tăng chậm hơn khách quốc tế.
C. Doanh thu tăng chậm hơn khách trong nước và quốc tế.
D. Khách trong nước tăng nhanh hơn doanh thu.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA LIÊN BANG NGA THỜI KÌ 1999 - 2013

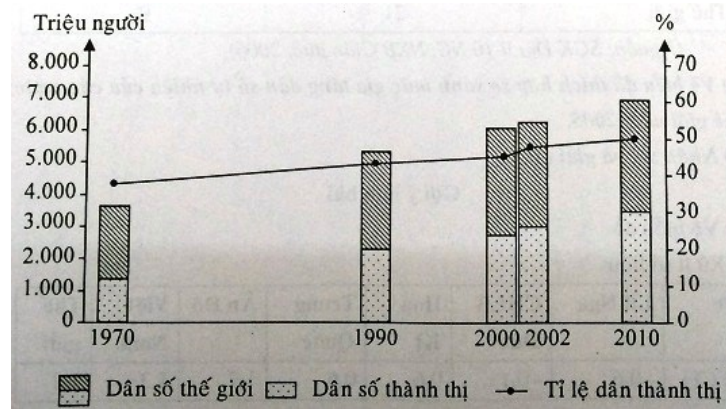
(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1999	2005	2007	2013
Giá trị xuất khẩu	47,9	248,3	355,2	530,7
Giá trị nhập khẩu	30,4	138,0	245,4	335,4

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh cán cân xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga giữa các năm trong thời kỳ 1999-2013?

- A. Liên Bang Nga luôn xuất siêu.
B. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng nhanh.
C. Giá trị xuất khẩu lớn hơn giá trị nhập khẩu.
D. Năm 2013 xuất siêu lớn nhất.

Câu 13. Cho biểu đồ đồ dân số thế giới, dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị của thế giới giai đoạn 1970-2010



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu dân số thế giới giai đoạn 1970 – 2010.
- B. Tốc độ tăng dân số và tỉ lệ dân thành thị của thế giới giai đoạn 1970 – 2010.
- C. Tình hình gia tăng dân số thế giới giai đoạn 1970 -2010.
- D. Sự thay đổi có cấu dân số thành thị và nông thôn thế giới giai đoạn 1970 – 2010.

Câu 14. Ý nghĩa của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đẩy mạnh phát triển công nghiệp.
- B. mở rộng các hoạt động dịch vụ.
- C. tăng cường xuất khẩu lao động.
- D. phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Câu 15. Cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên chủ yếu là do

- A. khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên.
- B. tổng lượng mưa trong năm lớn.
- C. một mùa mưa và khô rõ rệt.
- D. khí hậu khá nóng ở các cao nguyên thấp.

Câu 16. Việc phát triển và bảo vệ vốn rừng ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì

- A. sông ngòi ngắn và dốc rất dễ xảy ra lũ lụt.
- B. vùng giàu tài nguyên rừng thứ 2 cả nước.
- C. ngành công nghiệp chế biến nông sản rất phát triển.
- D. vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của gió Tây khô nóng.

Câu 17. Việc tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông vận tải có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vì

- A. tạo ra thế mở cửa, phân công lao động, giao lưu kinh tế.
- B. tạo ra thế mở cửa, phân công lao động.
- C. phân công lao động, giao lưu kinh tế.
- D. tăng cường vai trò trung chuyển của vùng.

Câu 18. Đông Nam Bộ thu hút được nguồn lao động dồi dào, chủ yếu do

- A. nền kinh tế phát triển năng động.
- B. mức sống cao, cơ sở hạ tầng hiện đại.
- C. tài nguyên thiên nhiên giàu có.
- D. khí hậu thuận lợi cho cư trú và sản xuất.

Câu 19. Phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở vùng ở Đồng bằng sông Hồng vì

- A. thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- B. khai thác hợp lí các nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội.
- C. góp phần giải quyết các vấn đề về xã hội và môi trường trong vùng.

D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của vùng.

Câu 20. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm phát triển mạnh là do

- A. điều kiện tự nhiên thuận lợi, chính sách thu hút đầu tư.
- B. nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- C. lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi.
- D. sử dụng nhiều giống gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao trong chăn nuôi.

Câu 21. Cho bảng số liệu

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÂN THEO NGÀNH Ở VIỆT NAM
(đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ
2000	129,1	101,0	24,9	3,2
2005	183,2	134,7	45,1	3,4
2010	540,2	396,7	135,1	8,4
2013	751,8	534,5	200,6	16,7

Theo bảng số liệu, để thể hiện giá trị sản xuất ngành trồng trọt và tỉ trọng giá trị sản xuất ngành trồng trọt trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 – 2013, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Đường.
- D. Kết hợp.

Câu 22. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào đây giáp biển?

- A. Đồng Tháp.
- B. An Giang.
- C. Tây Ninh.
- D. Kiên Giang.

Câu 23. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng IX?

- A. Thanh Hóa.
- B. Đông Hới.
- C. Nha Trang.
- D. Cần Thơ.

Câu 24. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Yaly thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Sông Thu Bồn.
- B. Sông Ba.
- C. Sông Đồng Nai.
- D. Sông Mê Kông

Câu 25. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Pu đen đỉnh.
- B. Tam Đảo.
- C. Ngân Sơn.
- D. Bắc Sơn.

Câu 26. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Phú Yên?

- A. Cửa Lò.
- B. Tam Kỳ.
- C. Tuy Hòa.
- D. Nha Trang.

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa.
- B. Sơn La.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Quảng Nam.

Câu 28. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Đà Nẵng không có ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

- A. Lương thực.
- B. Thủy hải sản.
- C. Rượu, bia, nước giải khát.
- D. Sản phẩm chăn nuôi.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, đường 25 nối Tuy Hòa với nơi nào sau đây?

- A. Buôn Mê Thuột.
- B. A Yun Pa.

C. Đà Lạt.

D. Nha Trang

Câu 30. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây *không* có ngành công nghiệp cơ khí?

A. Hải Phòng.

B. Hải Dương.

C. Phúc Yên.

D. Việt Trì.

Câu 31. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

A. Yaly.

B. Sông Hinh.

C. A Vương.

D. Vĩnh Sơn.

Câu 32. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất, phân bón?

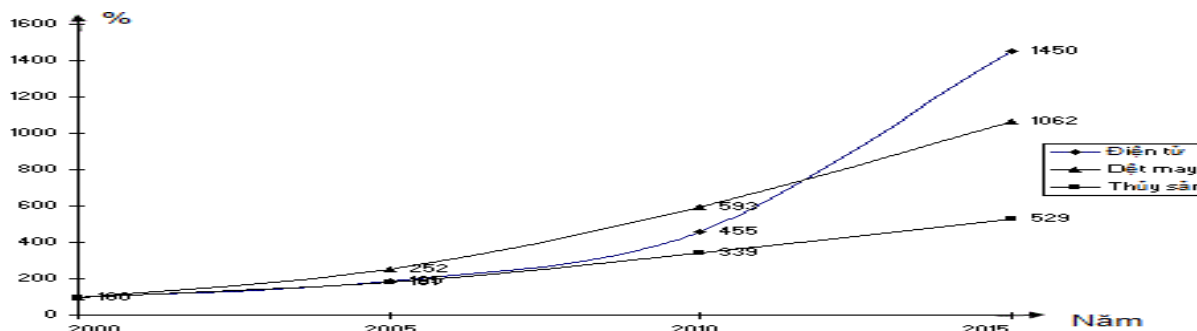
A. Cà Mau.

B. Rạch Giá.

C. Long Xuyên.

D. Sóc Trăng.

Câu 33. Cho biểu đồ sau:



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2015.

Dựa vào biểu đồ trên, nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng một số mặt hàng xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2000 – 2015?

A. Điện tử có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.

B. Dệt may có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.

C. Thủy sản có tốc độ tăng trưởng đứng thứ 2.

D. Cả ba mặt hàng tăng trưởng không ổn định.

Câu 34. Cho bảng số liệu sản lượng dầu thô khai thác và sản lượng dầu thô tiêu dùng của khu vực Tây Nam Á giai đoạn 2005-2010

Năm	2005	2010
Dầu thô khai thác (thùng)	23586	23829
Dầu thô tiêu dùng (thùng)	6693	7865

Nhận xét nào sau đây đúng về sự chênh lệch giữa sản lượng dầu thô khai thác và lượng dầu thô tiêu dùng của khu vực Tây Nam Á trong giai đoạn 2005 – 2010?

A. Chênh lệch sản lượng dầu thô khai thác và dầu thô tiêu dùng không đáng kể.

B. Chênh lệch sản lượng dầu thô khai thác và sản lượng dầu thô tiêu dùng tăng.

C. Chênh lệch sản lượng dầu thô khai thác và sản lượng dầu thô tiêu dùng giảm.

D. Sản lượng dầu thô tiêu dùng tăng chậm hơn sản lượng dầu thô khai thác.

Câu 35. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có lợi thế để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ, chủ yếu vì

A. có nhiều vũng, vịnh, đầm phá.

B. có nhiều ngư trường lớn.

C. khí hậu nóng quanh năm.

D. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Câu 36. Nhân tố tự nhiên quan trọng nhất để vùng Tây Nguyên phát triển cây cà phê là

A. địa hình có nhiều cao nguyên rộng lớn.

B. có hệ thống sông lớn cung cấp nước tưới.

C. khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm. D. đất ba dan màu mỡ, khí hậu cận xích đạo.

Câu 37. Đông Nam Bộ có nguồn lao động chất lượng cao *không* phải vì

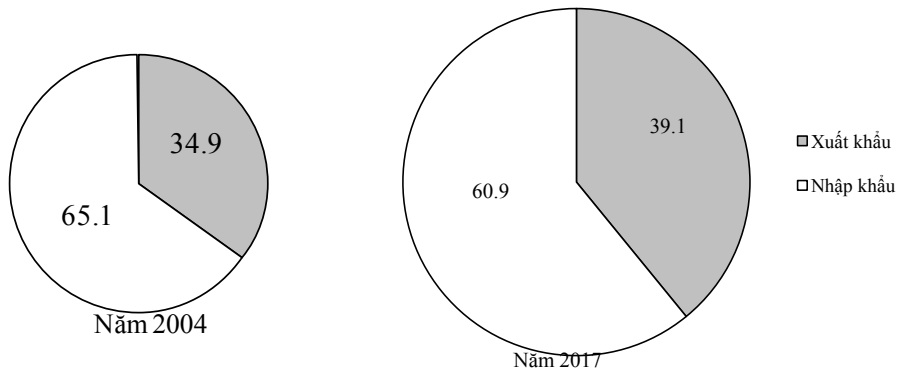
A. dân cư đông đúc.

B. có sức hút lao động từ các vùng khác

C. cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng tốt.

D. có nền kinh tế phát triển năng động

Câu 38. Cho biểu đồ xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2004 và năm 2017 (%)



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô và cơ cấu xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2004 và năm 2017.

B. Tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ năm 2004 và năm 2017.

C. Chuyển dịch cơ cấu xuất, nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 2004-2017.

D. Cán cân xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 2004 -2017.

Câu 39. Trung du miền núi Bắc Bộ có thế mạnh đặc biệt để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới chủ yếu do

A. vị trí địa lí gần khu vực cận nhiệt.

B. đất phù sa ở các cánh đồng trước núi.

C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

D. nguồn nước phong phú, đặc biệt nước ngầm.

Câu 40. Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng là

A. có mật độ dân số cao.

B. cơ sở hạ tầng còn hạn chế.

C. thiếu nguyên liệu tại chỗ.

D. cơ cấu kinh tế chậm chuyển biến.

Câu 41. Vùng Bắc Trung Bộ phải hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp vì

A. vừa tạo cơ cấu ngành vừa tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.

B. có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng.

C. khai thác các thế mạnh sẵn có của vùng để đẩy mạnh CNH - HĐH.

D. vùng có thế mạnh để phát triển trong khi tỉ trọng công nghiệp còn rất thấp so với cả nước.

Câu 42. Vấn đề quan trọng cần quan tâm ở Đông Nam Bộ trong phát triển nông nghiệp theo chiều sâu là

A. thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.

B. cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng.

C. thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn.

D. áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, thủy lợi.

Câu 43. Tại sao trong thời gian gần đây, tình trạng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long diễn ra nghiêm trọng hơn?

A. Địa hình thấp, ba mặt giáp biển.

B. Mùa khô kéo dài, nền nhiệt cao.

C. Ba mặt giáp biển, mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

D. Ảnh hưởng của El Nino và các hồ thủy điện ở thượng nguồn.

Câu 44. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ)
2010	5 143	2 728	5 017
2013	6 020	3 216	6 693
2014	6 333	3 413	7 825
2015	6 582	3 532	6 569

Để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Kết hợp. D. Cột.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Điện Biên. B. Yên Bái. C. Sơn La. D. Tuyên Quang.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII?

- A. Hà Nội. B. Thanh Hóa. C. Đà Nẵng. D. Nha Trang.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Dầu Tiếng thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Mê Công. C. Sông Ba. D. Sông Cả.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Cánh cung sông Gâm. B. Cánh cung Đông Triều.
C. Dãy Con Voi. D. Dãy Pu Sam Sao.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Bình?

- A. Đồng Hới. B. Vinh. C. Đông Hà. D. Tam Kỳ.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết bò được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Thanh Hóa không có ngành nào sau đây?

- A. Cơ khí. B. Chế biến nông sản.
C. Sản xuất giấy, xenlulô. D. Sản xuất ô tô.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết tuyến đường biển quan trọng nhất dài 1500 km nối Hải Phòng với nơi nào sau đây?

- A. Cửa Lò. B. Đà Nẵng. C. Quy Nhơn. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất lớn nhất Đồng bằng sông Hồng?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Hưng Yên. D. Nam Định.

- A. Chất lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.
- B. Phân bố dân cư, nguồn lao động chưa hợp lý.
- C. Có nhiều đô thị tập trung dân cư đông đúc.
- D. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm.

Câu 62. Biện pháp quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả phát triển cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu cây trồng, phát triển thủy lợi.
- B. đầu tư và hiện đại công nghiệp chế biến.
- C. mở rộng thêm diện tích, phát triển thủy lợi.
- D. mở rộng và đa dạng thị trường xuất khẩu.

Câu 63. Để nâng cao giá trị nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, vấn đề cần quan tâm hàng đầu là

- A. mở rộng diện tích nuôi trồng.
- B. đảm bảo nguồn thức ăn.
- C. đẩy mạnh công nghiệp chế biến.
- D. mở rộng thị trường.

Câu 64. Cho bảng số liệu

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU GDP NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2000 – 2014

Năm	Tổng số (tỉ đồng)	Cơ cấu (%)		
		Nông – lâm – thủy sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2000	441646	24,5	36,7	38,8
2014	3937856	17,7	33,2	39,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi quy mô và cơ cấu GDP nước ta phân khu vực kinh tế năm 2000 và 2014, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ cột chồng
- B. Biểu đồ miền
- C. Biểu đồ tròn
- D. Biểu đồ kết hợp

Câu 65. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.
- B. góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.
- C. tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.
- D. thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 66. Tây Nguyên có thể trồng được cây công nghiệp cận nhiệt là do

- A. có nhiều hồ tự nhiên cung cấp nước tưới.
- B. đất bazan thích hợp với cây chè.
- C. có nguồn lao động đông, thuận lợi cho chăm sóc và chế biến.
- D. có khí hậu mát mẻ trên các cao nguyên.

Câu 67. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên trồng chè, chăn nuôi trâu, bò...; Tây Nguyên chuyên canh cà phê, cao su, chăn nuôi bò ... đã thể hiện

- A. các tập đoàn cây, con phân bố phù hợp với các vùng sinh thái nông nghiệp.
- B. sự chuyển đổi mùa vụ từ Bắc vào Nam.
- C. việc áp dụng các biện pháp canh tác khác nhau giữa các vùng.
- D. việc khai thác tốt hơn tính mùa vụ của nền nông nghiệp nhiệt đới.

Câu 68. Biện pháp cơ bản để đưa Đồng bằng sông Hồng sớm trở thành vùng sản xuất lương thực, thực phẩm hàng hoá là

- A. quan tâm đến chất lượng sản phẩm và thị trường.
- B. thay đổi cơ cấu giống cây trồng và cơ cấu mùa vụ.
- C. chú ý đến môi trường và bảo vệ tài nguyên đất.
- D. phát triển mạnh cây vụ đông.

Câu 69. Điều kiện tiên đề để ngành du lịch biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển mạnh hơn so với Bắc Trung Bộ là do vùng có

- A. nhiều vũng vịnh hơn.
- B. nhiều đảo, vùng biển rộng hơn.
- C. cơ sở hạ tầng du lịch hiện đại hơn.
- D. nhiều bãi biển đẹp hơn.

Câu 70. Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. khai thác có hiệu quả các nguồn lực và bảo vệ môi trường.
- B. sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và giải quyết việc làm.
- C. giải quyết tốt các vấn đề xã hội và đa dạng hóa nền kinh tế.
- D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế và khai thác hợp lý tài nguyên.

Câu 71. Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng trọng điểm sản xuất lúa lớn nhất cả nước, chủ yếu do

- A. diện tích đất phù sa rộng, khí hậu cận xích đạo.
- B. nguồn nước dồi dào, ít chịu ảnh hưởng thiên tai.
- C. trình độ thâm canh cao, thuỷ lợi phát triển.
- D. khả năng mở rộng diện tích còn lớn.

Câu 72. Cho vào bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

Năm	Than (triệu tấn)	Dầu thô (triệu tấn)	Điện (tỉ kWh)
2000	11,6	16,3	26,7
2005	34,1	18,5	52,1
2007	42,5	15,9	58,5
2015	41,5	18,7	157,9

Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu thô, điện của nước ta giai đoạn 2000-2015 là

- A. biểu đồ đường.
- B. biểu đồ cột.
- C. biểu đồ miền.
- D. biểu đồ kết hợp.

Câu 73. Diện tích rừng giàu của vùng Bắc Trung Bộ tập trung chủ yếu ở

- A. dải đồi núi giáp biển.
- B. giáp biên giới Việt – Lào.
- C. trên các vùng đồi, trung du.
- D. trên vùng ngập mặn ven biển.

Câu 74. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều thuận lợi để xây dựng cảng nước sâu, trong đó chủ yếu là

- A. có đường bờ biển dài, ít đảo ven bờ.
- B. có nhiều đầm phá và bãi triều rộng.
- C. bờ biển có nhiều vũng, vịnh, ít bị sa bồi.
- D. có nền kinh tế phát triển nhanh nên nhu cầu vận tải lớn.

Câu 75. Giải pháp nào sau đây là cơ bản nhằm hạn chế rủi ro trong việc sản xuất cây công nghiệp và góp phần sử dụng hợp lý tài nguyên ở vùng Tây Nguyên?

- A. Nhà nước trợ giá, thu mua và tiêu thụ sản phẩm cây công nghiệp cho nhân dân.

B. Trao đổi với vùng khác nhằm bổ sung lương thực, ổn định diện tích cây công nghiệp.

C. Đa dạng hóa các thành phần kinh tế trong trồng và chế biến cây công nghiệp.

D. Đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp chế biến.

Câu 76. Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

A. Mật độ dân số thấp, phong tục cũ còn nhiều.

B. Trình độ thâm canh còn thấp, đầu tư vật tư ít.

C. Nạn du canh, du cư còn xảy ra ở một số nơi.

D. Công nghiệp chế biến nông sản còn hạn chế.

Câu 77. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là do

A. đất đai màu mỡ.

B. lịch sử khai thác lâu đời.

C. cơ sở hạ tầng chất lượng tốt.

D. trình độ thâm canh cao.

Câu 78. Để phát huy thế mạnh công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ, vấn đề quan trọng cần giải quyết là

A. khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn khoáng sản.

B. phát triển nguồn nhân lực.

C. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. phát triển cơ sở hạ tầng và năng lượng.

Câu 79. Nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng xâm nhập mặn diễn ra hàng năm ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. mùa khô kéo dài.

B. phát triển rừng ngập mặn.

C. có nhiều cửa sông.

D. phá rừng để nuôi tôm.

Câu 80. Ý nghĩa quan trọng nhất của hệ sinh thái rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

A. bảo tồn những di tích thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

B. phát triển du lịch sinh thái.

C. bảo tồn các hệ sinh thái rừng ngập mặn.

D. phát triển nuôi thủy sản bền vững.